

Số: 84/2023/QĐST-HNGĐ

Yên Mỹ, ngày 27 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh H.

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh H.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Nguyễn Thị D, sinh ngày 05/3/1996;
- Nguyễn Thị D1, sinh ngày 09/6/1998;
- Nguyễn Thủy D2, sinh ngày 23/02/2002;
- Nguyễn Tiến Q1, sinh ngày 30/6/2005,

Người đại diện hợp pháp của cháu Q1: Chị Đặng Thị T, là mẹ.

Đều có địa chỉ: thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 73 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn Q.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn Q đều công nhận vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 05/3/1996; Nguyễn Thị D1, sinh ngày 09/6/1998; Nguyễn Thủy D2, sinh ngày 23/02/2002 và Nguyễn Tiến Q1, sinh ngày 30/6/2005. Hiện cháu D, D1, D2 đều đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Tiến Q1 hiện đang ở với chị T. Ly hôn

chị Đặng Thị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q1 đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T là đại diện hợp pháp của cháu Q1.

Sau khi ly hôn anh Q được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, chị T, anh Q, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác nông nghiệp, công sức của vợ chồng: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009503 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y; hoàn trả chị T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên

